

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ  
ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT GROUP  
CORPORATION

\*\*\*

Số/No: 252/2025-CV-NVLG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

\*\*\*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Ho Chi Minh City, day ... month ... year 2025

## BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

### PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.  
To: - The State Securities Commission;  
- Ho Chi Minh City Stock Exchange;  
- Hanoi Stock Exchange.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/ Report on bond principal and interest payments  
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025 / Reporting period from 01/01/2025 to the end of 30/06/2025)

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

| TT<br>No | Mã chứng<br>khoán<br>Securities<br>code | Kỳ hạn<br>Period             | Ngày phát<br>hành<br>Issue date | Ngày đáo<br>hạn<br>Maturity | Số dư<br>đầu kỳ<br>Opening balance |                 | Thanh toán<br>trong kỳ<br>Payment during the<br>period |                 | Dư nợ<br>cuối kỳ<br>Closing balance |                 |
|----------|-----------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|
|          |                                         |                              |                                 |                             | Gốc<br>Principal                   | Lãi<br>Interest | Gốc<br>Principal                                       | Lãi<br>Interest | Gốc<br>Principal                    | Lãi<br>Interest |
| 1        | NVL122001                               | 78<br>tháng<br>/78<br>months | 20/01/2022                      | 20/07/2028                  | 1.300,00                           | 268,64          | 0,00                                                   | 0,00            | 1.300,00                            | 342,77          |

(i) Ngày thanh toán lãi của Kỳ Tính Lãi 06 (cho giai đoạn từ ngày 20/04/2023 đến và không bao gồm ngày 20/07/2023), Kỳ Tính Lãi 07 (cho giai đoạn từ ngày 20/07/2023 đến và không bao gồm ngày 20/07/2025) và Kỳ Tính Lãi 08 (cho giai đoạn từ ngày 20/07/2025 đến và không bao gồm ngày 20/07/2028) đã được người sở hữu trái phiếu đồng ý điều chỉnh thành ngày 20/07/2028./ (i) The interest payment date for Interest Calculation Period 06 (for the period from April 20, 2023, to but not including July 20, 2023), Interest Calculation Period 07 (for the period from July 20, 2023, to but not including July 20, 2025) and Interest Calculation Period 08 (for the period from July 20, 2025, to but not including July 20, 2028) has been agreed by the bondholders to be adjusted to July 20, 2028.

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/ Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ 01/06/2023\*\* đến hết ngày 20/06/2025\*\*\*/Reporting period from 01/06/2023 to 20/06/2025\*\*\*)

Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

| Loại Nhà đầu tư<br>Type of investors                   | Dư nợ đầu kỳ<br>Opening balance |                            | Thay đổi trong kỳ<br>Changes during the period |                            | Dư nợ cuối kỳ<br>Closing balance |                            |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------------------|
|                                                        | Giá trị<br>Value                | Tỷ trọng<br>Percentage (%) | Giá trị<br>Value                               | Tỷ trọng<br>Percentage (%) | Giá trị<br>Value                 | Tỷ trọng<br>Percentage (%) |
| <b>I.Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors</b>      |                                 |                            |                                                |                            |                                  |                            |
| 1.Nhà đầu tư có tổ chức/<br>Institutional investors    |                                 |                            |                                                |                            |                                  |                            |
| a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions               | -                               | -                          | -                                              | -                          | -                                | -                          |
| b) Quỹ đầu tư /Investment funds                        | 1.205,10                        | 92,70                      | -143,43                                        | -11,04%                    | 1.061,67                         | 81,67                      |
| c) Công ty chứng khoán /Securities companies           | -                               | -                          | -                                              | -                          | -                                | -                          |
| d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies               | -                               | -                          | -                                              | -                          | -                                | -                          |
| đ) Các tổ chức khác/ Other organisations               | 19,79                           | 1,52                       | -1,88                                          | -0,14                      | 17,91                            | 1,38                       |
| 2. Nhà đầu tư cá nhân/<br>Individual investors         | 75,10                           | 5,78                       | 145,31                                         | 11,18                      | 220,41                           | 16,95                      |
| <b>II.Nhà đầu tư nước ngoài/<br/>Foreign investors</b> |                                 |                            |                                                |                            |                                  |                            |
| 1.Nhà đầu tư có tổ chức/<br>Institutional investors    |                                 |                            |                                                |                            |                                  |                            |
| a) Tổ chức tín dụng*/<br>Credit institutions           | -                               | -                          | -                                              | -                          | -                                | -                          |
| b) Quỹ đầu tư/ Investment funds                        | -                               | -                          | -                                              | -                          | -                                | -                          |
| c) Công ty chứng khoán/<br>Securities companies        | -                               | -                          | -                                              | -                          | -                                | -                          |
| d) Công ty Bảo hiểm/<br>Insurance companies            | -                               | -                          | -                                              | -                          | -                                | -                          |
| đ) Các tổ chức khác/ Other organisations               | -                               | -                          | -                                              | -                          | -                                | -                          |

|                                                       |                 |               |             |             |                 |               |
|-------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------|-------------|-----------------|---------------|
| 2. Nhà đầu tư cá nhân/<br><i>Individual investors</i> | 0,01            | 0,00          | -           | -           | 0,01            | 0,00          |
| <b>Tổng/ Total</b>                                    | <b>1.300,00</b> | <b>100,00</b> | <b>0,00</b> | <b>0,00</b> | <b>1.300,00</b> | <b>100,00</b> |

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/ *Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

\*\* Ngày 01/06/2023 là ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu để thực hiện thủ tục lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của văn kiện trái phiếu, thay đổi ngày thanh toán lãi, ngày đáo hạn và các vấn đề liên quan đến tài sản bảo đảm cho trái phiếu./ *June 1, 2023 is the record date for determining bondholders eligible to participate in the consultation process regarding proposed amendments and additions to the bond documents, changes to the interest payment date, maturity date, and matters related to the collateral for the bonds.*

\*\*\* Ngày 20/06/2025 là ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu để thực hiện thủ tục lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu về các vấn đề liên quan đến sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Văn kiện trái phiếu, thay đổi ngày đáo hạn đối với Trái Phiếu./ *June 20, 2025 is the record date for determining bondholders eligible to participate in the consultation process regarding proposed amendments and additions to certain provisions of the Bond Documents, including changes to the bond maturity date.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ *As above;*
- Lưu DN/ *For company records.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NO VA  
NO VA LAND INVESTMENT GROUP CORPORATION



*Dương Văn Bắc*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

